

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG TÈ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS- ST

Ngày: 20/6/2019

V/v “Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị The; Ông Lý Ngọc Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Tổng Chung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 07/2018/TLST- DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc " Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh" giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang V- sinh năm 1980.

Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Xuân L- sinh năm 1976.

Chị Lê Thị H- sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Khu phố C, thị trấn M, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Các bị đơn vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đặng Tuấn H- sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu tập thể phường G, tp T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Thu- sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản Bum, xã Bum Nưa, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Người làm chứng ông Bùi Xuân N

Địa chỉ: Khu C, thị trấn M, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 13/7/2018, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Quang V trình bày: Vào ngày 25/02/2017 anh Trần Xuân L- sinh năm 1976 và chị Lê Thị H- sinh năm 1979. Cùng địa chỉ khu phố C, thị trấn M, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu có mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) mang tên Trần Xuân L- sinh năm

1976 và Lê Thị H- sinh năm 1979, số giấy chứng nhận BV 451433 do UBND huyện Mường Tè cấp ngày 16/01/2017 thế chấp để vay của tôi với số tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*), mức lãi xuất 1.000đ/triệu/ngày để lấy chiếc ô tô của anh H đã thế chấp về để làm phương tiện đi lại trong thời gian hơn 1 tháng. Anh L và chị H có hẹn sau 01 tháng có trả cả gốc và lãi, nhưng sau 01 tháng anh L, chị H không trả tiền gốc cho tôi mà chỉ trả cho tôi 15.000.000đ (*mười năm triệu đồng*) tiền lãi (từ 25/2/2017 đến 25/3/2017) và hẹn 01 tháng sau sẽ trả tiền gốc, khi tôi hỏi về chiếc ô tô thì anh L nói đã mang về quê. Nay quá hạn đã lâu, tôi đã xuống nhà đòi rất nhiều lần nhưng anh L chị H không chịu trả cho tôi. Nay tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Tè yêu cầu anh L và chị H trả lại cho tôi số tiền gốc là 500.000.000đ và 250.000.000đ tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi là 750.000.000đ (*bảy trăm năm mươi triệu đồng*)

Tại bản tự khai ngày 01/8/2018 anh Trần Xuân L trình bày:

Vào ngày 25/02/2017 anh Đặng Tuấn H- sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: khu tập thể phường G, thành phố T, làm kỹ thuật cho doanh nghiệp Quang T- địa chỉ khu 6 thị trấn M, huyện Mường Tè là bạn chơi cùng có đến nhà tôi nhờ một việc như sau. Anh Đặng Tuấn H nói chuyện nhờ vợ chồng tôi cho mượn sổ đỏ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số BV 451433 mang tên Trần Xuân L và Lê Thị H để vào nhà anh Nguyễn Quang V cầm tạm và lấy xe ô tô của anh H ra, anh H có viết giấy biên nhận mượn sổ đỏ của tôi và hẹn sau một tháng trả lại, có ông Bùi Xuân N là trưởng khu phố C xác nhận. khi anh H và anh V bảo tôi đứng ra nhận giúp vì anh V bảo sổ của tôi thì chỉ tôi ký lấy xe ra hộ được. Tôi cũng nói với vợ chồng anh V vì anh em bạn bè nên trước là giúp anh H lấy xe ra để về đăng ký sau là giúp vợ chồng anh V lấy được nợ, nhưng từ đó đến nay anh H cũng chưa trả sổ đỏ cho tôi và tôi cũng không biết số tiền anh H vay nhà anh V là bao nhiêu, tôi cũng không có lần nào đến nhà anh V vay mượn tiền.

Tại bản tự khai ngày 31/7/2018 chị Lê Thị H trình bày:

Vào ngày 25/02/2017 anh Đặng Tuấn H là kỹ thuật xây dựng cho ông T đến nhà tôi nói chuyện với vợ chồng tôi có cầm chiếc xe ô tô của anh H cho anh V ở đầu cầu B số tiền bao nhiêu vợ chồng tôi không biết. Anh H hỏi vợ chồng tôi cho mượn sổ đỏ để cầm tạm cho anh V rút chiếc xe ra về để đăng ký xe và lấy giấy tờ xe và anh hẹn về lấy tiền lên trả cho anh V và lấy lại sổ đỏ cho vợ chồng tôi, vì là chỗ anh em chơi cùng nhau nên vợ chồng tôi cho anh H mượn sổ đỏ mang tên Trần Xuân L và Lê Thị H, hẹn trong vòng một tháng trả chúng tôi. Anh H có viết giấy biên nhận mượn sổ đỏ và được bác trưởng khu phố C là ông Bùi Xuân N xác nhận. Anh H mang sổ vào nhưng anh V bảo chồng tôi phải đến

để xác nhận vì sổ mang tên vợ chồng tôi, nhiều lần chúng tôi gọi và anh H cứ khất hết lần này đến lần khác và cho đến nay anh H vẫn chưa trả sổ đỏ cho chúng tôi và cũng không biết đã trả cho anh V tiền chưa thì vợ chồng tôi cũng không biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T trình bày: Gia đình tôi được Phòng tài chính- kế hoạch huyện Mường Tè cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh ngày 04/10/2013 mang tên tôi còn tất cả các giao dịch mua bán, cầm đồ đều do chồng tôi là anh Nguyễn Quang V thực hiện. Thời gian anh L- chị H vào cầm sổ đỏ ở nhà tôi thì tôi không có nhà, nay tôi cũng nhất trí với quan điểm của chồng tôi là yêu cầu anh L, chị H trả cho vợ chồng tôi số tiền gốc 500.000.000đ và 250.000.000đ tiền lãi.

Theo lời khai của anh Trần Xuân L và chị Lê Thị H, Tòa án nhân dân huyện Mường Tè đã ủy thác thu thập chứng cứ về Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. Tại biên bản làm việc ngày 09/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã làm việc với phó trưởng công an phường G, thành phố Thái Nguyên nhưng không xác định được người tên Đặng Tuấn H- sinh năm 1971, và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi nhưng không rõ địa chỉ của anh Đặng Tuấn H. Như vậy việc cung cấp địa chỉ của các bị đơn đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Tuấn H là không chính xác nên các bị đơn phải có nghĩa vụ với món nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 13/8/2018 nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí với các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và không bổ sung gì, các bị đơn nhất trí với bản cam kết ký ngày 25/02/2017 là hoàn toàn đúng và không bị ép buộc gì. Tại phiên hòa giải ngày 14/8/2018 nguyên đơn vẫn yêu cầu anh L và chị H trả số tiền gốc và lãi là 750.000.000đ, bị đơn anh L và chị H không nhất trí trả nợ số tiền 500.000.000đ vì anh L và chị H trình bày anh chị cho anh Đặng Tuấn H mượn sổ đỏ để thế chấp cho anh V để lấy ô tô ra, còn việc vay 500.000.000đ nhà anh V thì anh L và chị H không được nhận tiền.

Bị đơn Trần Xuân L và Lê Thị H đã được triệu tập họp lệ (lần 02) nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Tuấn H vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các bị đơn Trần Xuân L và Lê Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Tuấn H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiến nghị với Hội đồng xét xử chuyển cơ quan Điều tra xem xét về hành vi của Đặng Tuấn H, Trần Xuân L- Lê Thị H về hành vi đồng phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 317, Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang V.

Buộc bị đơn anh Trần Xuân L và chị Lê Thị H thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi cho nguyên đơn anh Nguyễn Quang V, phương thức thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bị đơn anh Trần Xuân L và chị Lê Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Quang V khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Trần Xuân L và chị Lê Thị H trả số tiền vay nhận nợ và lãi, xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo lãnh vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại khu C, thị trấn M, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Hội đồng xét xử thấy. Ngày 25/02/2017 anh Trần Xuân L và chị Lê Thị H có thể chấp tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) mang tên Trần Xuân L- sinh năm 1976 và Lê Thị H- sinh năm 1979 số BV 451433 do UBND huyện Mường Tè cấp ngày 16/01/2017 để bảo lãnh số nợ là 500.000.000đ(*H thế chấp ô tô vay 480.000.000đ và 20.000.000đ tiền lãi*) của anh Nguyễn Quang V với mức lãi xuất 1.000đ/triệu/ngày hẹn đến ngày 25/3/2017 sẽ thanh toán tiền gốc và lãi, nhưng đến khi anh V đòi nhiều lần anh L và chị H mới trả được số tiền lãi 01 tháng là 15.000.000đ, còn số tiền gốc 500.000.000đ chưa trả cho anh Nguyễn Quang V.

Mặc dù anh L và chị H không trực tiếp đến thế chấp sổ đỏ để vay tiền anh V nhưng anh L chị H đã tự nguyện đứng ra nhận trách nhiệm thế chấp sổ đỏ để

bảo lãnh cho món nợ của anh Đặng Tuấn H, vậy anh L, chị H phải có trách nhiệm với số tiền mà anh H đã thế chấp chiếc ô tô BKS 20A- 17712 để vay tiền anh V, còn việc anh L chị H phải yêu cầu anh H trả nợ cho mình nếu như anh L, chị H có yêu cầu. Tuy nhiên anh chị không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Bản cam kết giữa chủ cơ sở dịch vụ cầm đồ và khách hàng đến cầm cố tài sản được anh Nguyễn Quang V đứng ra giao dịch cho vay, nhưng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh mang tên chị Nguyễn Thị T, vì giấy chứng nhận cấp cho hộ kinh doanh nên anh Nguyễn Quang V đứng ra giao dịch là hợp pháp theo quy định tại Nghị định 43/2010- Nghị định Chính phủ ngày 15/4/2010, Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và chị T cũng nhất trí không ý kiến gì. Vợ chồng anh L, chị H đến thế chấp sổ đỏ để bảo lãnh cho số nợ 500.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Thời điểm ký kết và thực hiện hợp đồng từ ngày 25/02/2017 khi đó Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Nên cần căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4]. Tại buổi hòa giải ngày 01/8/2018 các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu độc lập. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại các phiên tòa ngày 23/5/2019 và ngày 20/6/2019 các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không lý do, như vậy các bị đơn đã từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Nên các quyền lợi của các bị đơn đều không được HĐXX xem xét.

[5]. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu anh L, chị H trả số tiền 500.000.000đ mà anh H đã vay (tiền vay là 480.000.000đ + tiền lãi 01 tháng là 20.000.000đ). Tổng cộng là 500.000.000đ và lãi theo quy định của ngân hàng thời điểm vay là 09%/năm, phát sinh từ ngày 26/3/2017, phương thức thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6]. Về lãi suất, tại phiên Tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả mức lãi suất = 9%/năm, tương đương với $0,75\% /\text{tháng} \times 27 \text{ tháng} = 101.250.000\text{đ}$, còn số tiền 15.000.000đ đã trả được tính vào thời gian vay lãi từ ngày 25/2/2017 đến ngày 25/3/2017, nên thời gian tính lãi suất tiếp theo từ ngày 26/3/2017 đến ngày xét xử vụ án. Tại phiên tòa các bị đơn không có mặt, Hội đồng xét xử thấy mức đề nghị lãi suất của nguyên đơn là hợp lý nên cần chấp nhận. Buộc bị đơn phải thanh toán với tổng số tiền là 601.250.000đ (gốc là 500.000.000đ, lãi 101.250.000đ).

[7]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn anh Trần Xuân L và chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Về kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chuyển cơ quan Điều tra xem xét về hành vi của Đặng Tuấn H và Trần Xuân L- Lê Thị H có dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hội đồng xét xử thấy Đặng Tuấn H, Trần Xuân L và Lê Thị H đều đã thế chấp tài sản vào để vay tiền nên xét thấy chưa đủ dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 117; Điều 119; Điều 317; Điều 335; Điều 336; Điều 342; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quang V.

2. Buộc bị đơn anh Trần Xuân L và chị Lê Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 500.000.000đ và tiền lãi 101.250.000đ cho nguyên đơn anh Nguyễn Quang V với tổng số tiền là 601.250.000đ (*sáu trăm linh một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*). Phương thức thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Bị đơn anh Trần Xuân L và chị Lê Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 28.050.000đ (*hai mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Nguyên đơn anh Nguyễn Quang V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu số tiền là 17.000.000đ (*mười bảy triệu đồng chẵn*). Theo biên lai thu số: AA/2010/0000440 ngày 12/7/2018.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND thị trấn Mường Tè và UBND phường G, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Mường Tè (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Bình